TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2024/DS-ST
Ngày : 24.9.2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về *"tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị N**, sinh ngày 1973. Địa chỉ: Xóm 4, Thôn 11, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V,** sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Lộc Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N, bà V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà N trình bày:

Bà N thừa nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bà Nguyễn Thị V, hai bên có quen biết nhau. Bà N làm chủ hụi (huê) và cho bà V chơi 02 chân hụi của hai dây hụi gồm các ngày 20/4/2022 và ngày 30/7/2022. Hai chân hụi này bà V đã hốt chết và phải đóng hụi chết. Đến ngày 23/8/2023 hai bên có chốt lại nợ và có viết giấy mượn tiền. Đoạn đầu của giấy mượn tiền là bà N viết, còn bắt đầu từ đoạn *"Tôi có nhận số tiền nợ trên của chị N và sẽ trả lời hàng tháng đầy đủ là 700.000 đồng"*, người nợ chữ ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị V" và chữ số ngày tháng

năm viết giấy là chữ của bà V. Theo giấy nợ thì bà V còn nợ bà N số tiền là 69.000.0000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, đóng lãi hàng tháng, còn gốc có hẹn ngày 10/11/2023 sẽ trả. Bà V đã trả lãi cho bà N được 04 tháng tiền lãi (hết tháng 12/2023) thành tiền 2.800.000 đồng, Ngày 04/01/2024 bà V trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, có viết giấy cam kết trả nợ cho bà N 6.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi trả xong nợ. Số tiền còn lại bà V còn nợ bà N là 59.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà V có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 59.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 04/01/2024 đến 24/8/2024 tạm tính là 07 tháng 20 ngày x 59.000.000 đồng x 1%/tháng = 4.523.000 đồng. Về án phí yêu cầu bị đơn bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V thừa nhận không có mối quan hệ anh em họ hàng với bà N, hai bên có quen biết là do bạn bè giới thiệu. Bà V có chơi 02 chân hụi do bà N làm chủ là đúng và đã hốt chết, phải đóng hụi chết và có vay bà N số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2023 thì hai bên có chốt nợ thì bà V còn nợ bà N tổng số tiền là 69.000.000 đồng, giấy mượn tiền đoạn trên do bà N tự viết, bà V chỉ viết từ đoạn *"Tôi có nhận số tiền nợ trên của chị N và sẽ trả lời hàng tháng đầy đủ là 700.000 đồng"*, ký và ghi họ tên, ngày viết giấy là 23/8/2023, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, lãi trả hàng tháng là 700.000 đồng, bà V không hẹn ngày trả gốc. Bà V đã trả cho bà N được 04 tháng tiền lãi là đúng (trả lãi đến tháng 12/2023) với số tiền là 2.800.000 đồng. Ngày 04/01/2024 bà V trả cho bà N được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 59.000.000 đồng và có viết giấy cam kết là mỗi tháng trả cho bà N số tiền 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên sau đó bà V không tiếp tục trả nợ cho bà N vì lý do bà N tới nhà chửi bới, xúc phạm bà V, thuê người đến đòi nợ nên bà V không đưa tiền. Nay bà V thừa nhận còn nợ bà N số tiền 59.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N, không đồng ý trả lãi. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 13/5/2024 và 28/8/2024 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử, bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền

59.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 04/01/2024 đến ngày 24/9/2024 theo lãi suất 1%/tháng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Ngô Thị N và bà Nguyễn Thị V đều thừa nhận không có mối quan hệ họ hàng, anh em với nhau, hai bên có quen biết nhau là đúng.

Tại *"Giấy mượn tiền"* ghi ngày 23/8/2023 thể hiện: Bà N cho bà V vay số tiền 69.000.000 đồng, lãi 1%/tháng, đóng lãi hàng tháng 700.000 đồng. Hẹn ngày 10/11/2023 trả gốc. Bà V ghi ngày tháng năm, ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị V". Số tiền nợ này bà V, bà N đều xác nhận là nợ từ tiền hụi (huê) trước đó chuyển sang, bà V hốt 02 chân hụi chết do bà N làm chủ hụi và tiền vay là 10.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chốt nợ và viết giấy mượn tiền, có ghi lãi suất 1%/tháng. Bà V thừa nhận và không có tranh chấp gì về nợ gốc như trên. Tại giấy mượn tiền này, bà V tự ghi dòng chữ "tôi có nhận số tiền nợ trên của chị N và sẽ trả lời hàng tháng đầy đủ số tiền 700.000 đồng". Như vậy chính bà V đã thừa nhận và đồng ý xác nhận chịu lãi theo lãi suất 1%/tháng.

Tại *"Giấy cam kết"* ngày 04/01/2024 thể hiện: Bà V còn nợ bà N số tiền 69.000.000 đồng. Ngày 04/01/2024 bà V trả cho bà N 10.000.000 đồng và hẹn vào ngày 30 hàng tháng sẽ trả cho bà N 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ số tiền 59.000.000 đồng. Giấy cam kết này bà V cũng xác nhận còn nợ bà N số tiền 59.000.000 đồng, bà V viết giấy cam kết để thay cho giấy mượn tiền cũ số nợ gốc còn 59.000.000 đồng vì bà N không trả giấy nợ cũ (ngày 23/8/2023) cho bà V. Bà V cũng khẳng định chỉ nợ khoản tiền này của bà N, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Như vậy sự việc bà V còn nợ bà N số tiền tiền 59.000.000 đồng là có thật. Bà V có cam kết ngày 30 hàng tháng trả cho bà N số tiền 6.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên sau đó bà V không thực hiện trả nợ cho bà N nên dẫn đến tranh chấp và bà N đã khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà V trả nợ cho bà. Còn bà V cho rằng số nợ trên là đúng nhưng do bà N thuê người đến lấy nợ, chửi bới bà nên bà không trả nợ cho bà N như cam kết.

Xét nợ trên bà V còn nợ bà N là đúng và đến nay chưa trả. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc bà V phải trả cho bà N số tiền 59.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi phát sinh: Xét tại giấy mượn tiền ngày 23/8/2023 thể hiện: Hai bên chốt nợ hụi chuyển sang tiền vay, có ghi lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, lãi trả hàng tháng. Xét lãi suất thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS nên xét yêu cầu tính lãi của bà N từ ngày 04/01/2024 đối với bà V trên số nợ phải trả 59.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận: Lãi phát sinh buộc bà V phải trả cho bà

N từ ngày 04/01/2024 đến 24/9/2024: 59.000.000 đồng x 1%/tháng x 08 tháng 20 ngày = 5.113.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi cần buộc bà V phải trả cho bà N là 64.113.000 đồng.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.205.500 đồng (64.113.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 461, 464, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N đối với bà Nguyễn Thị V về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".*

Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà Ngô Thị N số tiền 64.113.000 đồng (gồm nợ gốc 59.000.000 đồng, lãi phát sinh 5.113.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị V phải nộp 3.205.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị N số tiền 1.537.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thi tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006934 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy